

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG ĐƠN GIÁ LÂM ĐỒNG 2016

Ngày 19/01/2016, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành các quyết định công bố đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm đồng (đơn giá năm 2016) gồm các bộ đơn giá sau: Xây dựng (127/QĐ-UBND); Lắp đặt (128/QĐ-UBND); Sửa chữa (29/QĐ-UBND); Khảo sát (126/QĐ-UBND) và dịch vụ công ích đô thị (130/QĐ-UBND).

I. Thuyết minh nội dung bộ đơn giá xây dựng công trình. Đơn giá xây dựng công trình gồm các chi phí sau:

1. Chi phí vật liệu:

Chi phí vật liệu trong bộ đơn giá tính theo mặt bằng giá quý III năm 2015 của tỉnh Lâm đồng (mức giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến chân công trình).

2. Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trong đơn giá được tính với mức lương đầu vào vùng II (Đà Lạt, Bảo Lộc) - mức lương **2.150.000** đồng/tháng căn cứ theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Đối với công trình xây dựng trên địa bàn vùng III (Đức Trọng, Di Linh) và vùng IV (Khu vực các huyện còn lại) theo quy định phân vùng tại Nghị định số 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 của Chính phủ, thì chi phí nhân công trong đơn giá được điều chỉnh theo hệ số như sau:

- + Vùng III (Lương tối thiểu 2.000.000 đồng/tháng), hệ số: **0,930** (2.000.000/2.150.000);
- + Vùng IV (Lương tối thiểu 1.900.000 đồng/tháng), hệ số: **0,884** (1.900.000/2.150.000);

3. Chi phí máy thi công:

- Mức lương đầu vào để xác định lương nhân công thợ lái máy được lấy theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây dựng - mức lương vùng II (Đà Lạt, Bảo Lộc): **2.150.000** đồng/tháng.

- Nguyên giá máy và thiết bị theo phụ lục của Thông tư số 06/2010/TT-BXD.

- Các định mức khấu hao, sửa chữa, tiêu hao nhiên liệu, số ca năm, thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy được lấy theo QĐ số 1134/QĐ-BXD.

- Giá nhiên liệu năng lượng (giá chưa bao gồm thuế VAT) như sau:

- + Giá xăng RON 92 là 15.900 đồng/lít;
- + Giá dầu diesel (0,05S) là 12.573 đồng/lít;

- + Giá dầu mazut (3S) là 7.694 đồng/lít;
- + Giá điện là 1.622 đồng/kwh (QĐ số 2256/QĐ-BTC ngày 12/03/2015 của Bộ Công thương);

Đối với công trình xây dựng trên địa bàn vùng III (Đức Trọng, Di Linh) và vùng IV (Khu vực các huyện còn lại) theo quy định phân vùng tại Nghị định số 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 của Chính phủ, thì chi phí máy thi công trong đơn giá được điều chỉnh theo hệ số như sau:

- Vùng III (Lương tối thiểu 2.000.000 đồng/tháng), hệ số: **0,972**;
- Vùng IV (Lương tối thiểu 1.900.000 đồng/tháng), hệ số: **0,954**;

II. Áp dụng bộ đơn giá Lâm đồng 2016:

- Thời điểm áp dụng: **19/01/2016** (xem hướng dẫn tại CV số 244/SXD-KT&VLXD).

1. Sử dụng hệ số nhân công và máy thi công công bố theo đơn giá

Căn cứ theo thuyết minh bộ đơn giá xây dựng công trình, lập bảng THKP như sau:

- + TP Đà Lạt, Bảo Lộc: chi phí nhân công (B1) và chi phí máy thi công (C1) không cần sử dụng hệ số điều chỉnh nhân công và hệ số điều chỉnh máy thi công.

Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền	Ký hiệu	Ghi chú
I. CHI PHÍ TRỰC TIẾP				
1. Chi phí vật liệu	A1	32.144.172	VL	Bảng chiết tính
2. Chi phí nhân công	B1	31.350.498	NC	Bảng chiết tính
3. Chi phí máy thi công	C1	51.813.345	M	
4. Chi phí trực tiếp khác	$(VL+NC+M)*2.5\%$	2.882.700	TT	TT số 04/2010/TT-BXD
CỘNG CHI PHÍ TRỰC TIẾP	$VL+NC+M+TT$	118.190.715	T	TT số 04/2010/TT-BXD
II. CHI PHÍ CHUNG	$T*5.5\%$	7.682.396	C	TT số 04/2010/TT-BXD
III. THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T+C)*5.5\%$	6.923.021	TL	TT số 04/2010/TT-BXD
Chi phí xây dựng trước thuế	$(T+C+TL)$	132.796.132	G	TT số 04/2010/TT-BXD
IV. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G*10\%$	13.279.613	GTGT	TT số 219/2013/TT-BTC
Chi phí xây dựng sau thuế	$G+GTGT$	146.075.745	GXD	TT số 04/2010/TT-BXD
V. CHI PHÍ NHÀ TẠM TẠI HIỆN TRƯỜNG ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI	$G*1\%*1.1$	1.460.757	GXDNT	TT số 04/2010/TT-BXD
VI. Chi phí thiết bị	TB	0	GTB	Bảng thiết bị
TỔNG CỘNG	$GXD+GXDNT+GTB$	147.536.502	TC	
	Tính tròn:	147.537.000		
Bảng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn đồng				

- + Huyện Đức Trọng, Di Linh: sử dụng hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công như hình sau:

Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền	Ký hiệu	Ghi chú
I. CHI PHÍ TRỰC TIẾP				
1. Chi phí vật liệu	A1	32.144.172	VL	Bảng chiết tính
2. Chi phí nhân công	B1*0.93	29.155.963	NC	Bảng chiết tính
3. Chi phí máy thi công	C1*0.972	50.362.571	M	
4. Chi phí trực tiếp khác	(VL+NC+M)*2.5%	2.791.568	TT	TT số 04/2010/TT-BXD
CỘNG CHI PHÍ TRỰC TIẾP	VL+NC+M+TT	114.454.274	T	TT số 04/2010/TT-BXD
II. CHI PHÍ CHUNG	T*6.5%	7.439.528	C	TT số 04/2010/TT-BXD
III. THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C)*5.5%	6.704.159	TL	TT số 04/2010/TT-BXD
Chi phí xây dựng trước thuế	(T+C+TL)	128.597.961	G	TT số 04/2010/TT-BXD
IV. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G*10%	12.859.796	GTGT	TT số 219/2013/TT-BTC
Chi phí xây dựng sau thuế	G+GTGT	141.457.757	GXD	TT số 04/2010/TT-BXD
V. CHI PHÍ NHÀ TẠM TẠI HIỆN TRƯỜNG ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI	G*1%*1.1	1.414.578	GXDNT	TT số 04/2010/TT-BXD
VI. Chi phí thiết bị	TB	0	GTB	Bảng thiết bị
TỔNG CỘNG	GXD+GXDNT+GTB	142.872.335	TC	
	Tính tròn:	142.872.000		
Bảng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng				

+ Các huyện còn lại: sử dụng hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công như hình sau:

Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền	Ký hiệu	Ghi chú
I. CHI PHÍ TRỰC TIẾP				
1. Chi phí vật liệu	A1	32.144.172	VL	Bảng chiết tính
2. Chi phí nhân công	B1*0.884	27.713.840	NC	Bảng chiết tính
3. Chi phí máy thi công	C1*0.954	49.429.931	M	
4. Chi phí trực tiếp khác	(VL+NC+M)*2.5%	2.732.199	TT	TT số 04/2010/TT-BXD
CỘNG CHI PHÍ TRỰC TIẾP	VL+NC+M+TT	112.020.142	T	TT số 04/2010/TT-BXD
II. CHI PHÍ CHUNG	T*6.5%	7.281.309	C	TT số 04/2010/TT-BXD
III. THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C)*5.5%	6.561.580	TL	TT số 04/2010/TT-BXD
Chi phí xây dựng trước thuế	(T+C+TL)	125.863.031	G	TT số 04/2010/TT-BXD
IV. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G*10%	12.586.303	GTGT	TT số 219/2013/TT-BTC
Chi phí xây dựng sau thuế	G+GTGT	138.449.334	GXD	TT số 04/2010/TT-BXD
V. CHI PHÍ NHÀ TẠM TẠI HIỆN TRƯỜNG ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI	G*1%*1.1	1.384.493	GXDNT	TT số 04/2010/TT-BXD
VI. Chi phí thiết bị	TB	0	GTB	Bảng thiết bị
TỔNG CỘNG	GXD+GXDNT+GTB	139.833.827	TC	
	Tính tròn:	139.834.000		
Bảng chữ: Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng				

2. Sử dụng hệ số nhân công xây dựng theo công bố, chi phí máy thi công: tính chênh lệch NL - NCLM

Từ tháng 10/2010, Sở Xây dựng Lâm đồng đã có các văn bản hướng dẫn tính bù chênh lệch nhiên liệu và chênh lệch nhân công lái máy. Việc áp dụng bộ đơn giá Lâm đồng (2016) và điều chỉnh bằng hệ số máy thi công như mục 1 ở trên đã làm cho nhiều đơn vị tư vấn thiết kế vốn quen thuộc với cách tính bù chênh lệch nhiên liệu và nhân công lái máy sẽ gặp khó khăn khi xử lý tình huống giá nhiên liệu biến động tăng/giảm theo thông cáo báo chí của Petrolimex.

Bảng tính giá ca máy và thiết bị thi công sau đây tính toán một loại máy có mã hiệu **M106.0201** theo công bố tại QĐ số 1134/QĐ-BXD.

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG TÍNH GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG							
5								
6			Nguyên giá theo TT số 06/2010/TT-BXD, định mức các hao phí theo QĐ số 1134/QĐ-BXD					
7								
8	STT	Mã máy	Loại máy và thiết bị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền	Ký hiệu
9	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
10	1	M106.0201	Ô tô tự đổ - trọng tải: 5,0 T					
11			Nguyên giá (1000 đ):		346.950			A
12			Giá trị thu hồi (1000 đ):	A*5%			17.347,5	B
13			Số ca máy/năm:	260				C
14			Định mức khấu hao, sửa chữa, chi phí khác:					
15			Định mức khấu hao/năm (%):	17				D
16			Định mức sửa chữa/năm (%):	7,50				E
17			Định mức chi phí khác/năm (%):	6,00				F
18			Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng 1 ca:	41 lít diesel				
19			Định mức nhân công điều khiển máy:	1x2/4 lái xe nhóm 1				
20			Xác định chi phí:					
21			Chi phí khấu hao:	(A*1000-B*1000)*D/C			215.509	CKH
22			Chi phí sửa chữa:	(A*1000*E)/C			100.082	CSC
23			Chi phí khác:	(A*1000*F)/C			80.065	CCPK
24			Chi phí nhiên liệu, năng lượng:				541.256	CNL
25			+ Dầu Diesel	41	12.572,72	1,05	541.256	
26			Chi phí tiền lương:				212.519	CTL
27			+ Công nhân lái xe bậc 2/4 (Nhóm 1)	1	212.519		212.519	
28			Tổng cộng (CKH+CSC+CCPK+CNL+CTL):				1.149.431	GCM

Hình: minh họa bảng tính tính chi phí máy thi công loại ô tô tự đổ 5T

Giá ca máy ô tô tự đổ 5T sử dụng để tính toán chi phí máy thi công bộ đơn giá Lâm đồng (2016) tại trang số 545, STT: 244 là 1.149.431 đồng/ca. Giá ca máy này đã bao gồm chi phí nhiên liệu: 541.256 (CNL) và chi phí tiền lương: 212.519 (CTL).

Tại thời điểm lập dự toán, giá nhiên liệu có thể tăng/giảm so với giá nhiên liệu (giá gốc) tại thời điểm ban hành bộ đơn giá xây dựng công trình. Sử dụng tính năng bù chênh lệch nhiên liệu sẽ xác định đúng và chính xác chi phí máy thi công tại thời điểm lập dự toán/dự thầu.

Vận dụng các văn bản hướng dẫn trước đây của SXD tỉnh Lâm đồng v/v hướng dẫn tính bù chênh lệch nhiên liệu và nhân công lái máy. Công ty Quyết Toàn tạm thời hướng dẫn tính chênh lệch nhiên liệu, nhân công điều khiển máy thi công như sau:

a. Tính chênh lệch nhiên liệu: bật Tab “Bảng giá nhiên liệu – hệ số chi phí nhiên liệu”

- Nếu dữ liệu giá gốc nhiên liệu chưa có, có thể tải lại bộ đơn giá Lâm đồng (2016) hoặc vào Thông tin hệ thống → Ca máy – thiết bị thi công → Đơn giá gốc nhiên liệu, nhập thông tin như hình sau:

[Thông tin hệ thống: Đơn giá nhiên liệu - năng lượng (giá sử dụng để tính toán bảng giá ca máy)]

Hồ sơ Thông tin hệ thống Tiện ích Giúp đỡ Thẩm tra, Thẩm định

✓ Chấp nhận ✗ Thoát

Chọn tỉnh/TP: **Lâm Đồng (2016)** XD (127/QĐ-UBND ngày 19/01/2016), LB (128/QĐ-UBND), KS (129/QĐ-UBND)

Mã nhiên liệu	Tên nhiên liệu	ĐVT	Giá gốc	HSCPNL
Diezel	Dầu Diezel	lít	12.573	0,05
Xang	Xăng	lít	15.900	0,03
Điện	Điện	Kwh	1.622	0,07
Mazut	Dầu Mazut	lít	7.694	0

- Sau khi đã cập nhật thông tin giá gốc nhiên liệu, những lần sau phần mềm ADTPro sẽ tự động nạp thông tin giá gốc khi cần tính chênh lệch nhiên liệu. Trong trường hợp phần mềm không tự động nạp giá gốc nhiên liệu, thực hiện theo hướng dẫn sau: tại cột giá gốc nhiên liệu, nhấn chuột phải chọn menu **“Lấy lại giá nhiên liệu (giá gốc)”**

- Giá nhiên liệu tại thời điểm lập dự toán có thể nhập trực tiếp hoặc nhấn chuột phải chọn menu **“Chọn giá nhiên liệu tháng/thang/nam”**, phần mềm sẽ hiển thị chức năng chọn giá nhiên liệu theo công bố của Petrolimex như hình sau:

Giá nhiên liệu, năng lượng - hạng mục công trình đang áp giá xăng dầu vùng 2

Chọn số QĐ: **TCBC/05/04/2016** Petrolimex TCBC giá xăng dầu áp dụng từ 17 giờ 00 ngày 05 tháng 04 năm 2016

Mã nhiên liệu	Tên nhiên liệu	ĐVT	Giá công bố	LPXD	QBOXD	VAT	Giá trước thuế	Ghi Chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]
Diezel	Dầu Diezel	lít	10.060			10	9.145	...
Xang	Xăng	lít	15.230			10	13.845	...
Điện	Điện	Kwh						...
Mazut	Dầu Mazut	lít	7.360			10	6.691	...

Ghi chú:

- Có thể xác định giá xăng dầu trước thuế theo 1 trong 2 cách sau đây:
- TH1 (Trừ LPXD và QBOXD): $[8] = ([4] - [5] - [6]) / (1 + [7] / 100) + [5] + [6]$
- TH2 (Giá công bố chia cho 1.1): $[8] = [4] / (1 + [7] / 100)$
- LPXD: Lệ phí xăng dầu
- QBOXD: Quỹ bình ổn giá xăng dầu

✓ **Chấp nhận** ✗ **Đóng** [Thông cáo báo chí giá xăng dầu Petrolimex](#)

b. Tính chênh lệch nhân công lái máy: Bật tab “Bảng giá nhân công điều khiển máy”

- Tại cột giá gốc, nhấn chuột phải chọn menu **“Tính lương nhân công điều khiển máy (giá gốc)...”**. Với bộ đơn giá Lâm đồng (2016), mức lương để tính giá ca máy (giá gốc) là **2.150.000**

đồng/tháng (lập dự toán tại vùng II, III hay IV bắt buộc phải chọn mức lương giá gốc là **2.150.000** đồng/tháng, nếu chọn khác mức lương này việc tính bù chênh lệch nhân công lái máy sẽ sai).

Bảng tính lương nhân công điều khiển máy giá gốc (01/2015/TT-BXD)

- Chức năng này cho phép xem và tính bảng tiền lương nhân công điều khiển máy thi công theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây dựng.
- Chọn Chấp nhận nếu bạn muốn áp dụng giá trị 'Lương ngày công' cho lương nhân công điều khiển máy (Giá gốc).

Chọn mức lương: **2.150.000** + Số ngày: **26**

MaNC	Cấp bậc thợ	Hệ số lương	Lương vùng	Lương tháng	Số ngày	Lương ngày công
B1.1.37	Nhân công 3/7 (Nhóm I)	2,160	2.150.000	4.644.000	26	178.615
B1.1.47	Nhân công 4/7 (Nhóm I)	2,550	2.150.000	5.482.500	26	210.865

Chấp nhận **Đóng**

- Tại cột giá tháng, nhấn chuột phải chọn menu “**Tính lương nhân công điều khiển máy (giá thang/nam)...**”. Hình minh họa sau đây chọn mức lương vùng III.

Bảng tính lương nhân công điều khiển máy giá tháng (01/2015/TT-BXD)

- Chức năng này cho phép xem và tính bảng tiền lương nhân công điều khiển máy thi công theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây dựng.
- Chọn Chấp nhận nếu bạn muốn áp dụng giá trị 'Lương ngày công' cho lương nhân công điều khiển máy (Giá T4/2016).

Chọn mức lương: **2.000.000** + Số ngày: **26**

MaNC	Cấp bậc thợ	Hệ số lương	Lương vùng	Lương tháng	Số ngày	Lương ngày công
B1.1.37	Nhân công 3/7 (Nhóm I)	2,160	2.000.000	4.320.000	26	166.154
B1.1.47	Nhân công 4/7 (Nhóm I)	2,550	2.000.000	5.100.000	26	196.154

Chấp nhận **Đóng**

- Công trình tại TP Đà Lạt và Bảo Lộc chọn mức lương: 2.150.000 đồng/tháng.

- Công trình tại huyện Đức Trọng và Di Linh chọn mức lương: 2.000.000 đồng/tháng.

- Công trình tại các huyện còn lại chọn mức lương: 1.900.000 đồng/tháng.

Lưu ý:

1. Một số hạng mục công trình đang áp dụng dữ liệu bộ đơn Lâm đồng (2010), Lâm đồng (2014) nay chuyển sang lập tiếp với bộ đơn giá Lâm đồng (2016) có thể không hiển thị định mức nhân công lái máy. Cách khắc phục như sau:

- **Bước 1:** Bật sheet Máy, nhấn chuột phải chọn “**Lấy lại giá ca máy gốc (ban hành kèm bộ đơn giá XDCB)**”.

- **Bước 2:** Chuyển sang sheet khác, sau đó bật lại sheet Máy, phần mềm sẽ nạp lại dữ liệu để tính bù chênh lệch nhân công lái máy.

2. Công trình tại TP Đà Lạt và Bảo Lộc có thể lựa chọn không tính nhân công lái máy giá gốc và giá tháng, do lương nhân công lái máy tại hai thành phố này không cần tính bù chênh lệch nhân công lái máy.

3. Sử dụng cách lập dự toán bù chênh lệch nhiên liệu thì không cần phải sử dụng hệ số điều chỉnh máy thi công.

Tại thời điểm biên soạn tài liệu hướng dẫn này, SXD Lâm đồng vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn tính bù chênh lệch nhiên liệu và nhân công lái máy. Các đơn vị tư vấn thiết kế khi áp dụng cách tính bù NL và NCLM cần phải bảo vệ quan điểm tính dự toán với cơ quan thẩm tra dự toán.

III. Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng bộ đơn giá Lâm đồng (2016):

- Tất cả công tác đã được tính toán chi phí nhân công theo phân loại (nhóm I, nhóm II) qui định tại phụ lục số 2 - Thông tư số 01/2015/TT-BXD. Khi sử dụng phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình, người sử dụng không cần phải sử dụng chức năng chuyển đổi nhân công nhóm I sang nhóm II. Đơn giá nhân công toàn bộ công tác thuộc **Chương I - công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng** đã được tính với nhân công nhóm II.

- Bảng tiền lương nhân công theo công bố hoàn toàn là số chẵn, thực tế đơn giá xây dựng công trình do địa phương công bố (127/QĐ-UBND) tính toán chi phí nhân công với đơn giá có số lẻ thập phân. Khi sử dụng phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình, chiết tính đơn giá chi phí nhân công sẽ có chênh lệch nhỏ so với đơn giá nhân công theo công bố của địa phương.

- Các công tác có sử dụng cấp phối vữa đã được tính toán với cấp phối vữa xi măng PC40, riêng các hao phí sử dụng xi măng rời vẫn sử dụng xi măng PC30. Khi lập dự toán theo phương pháp bù chênh lệch vật liệu người lập có thể thay đổi tên hao phí từ xi măng PC30 thành xi măng PC40 nhưng giá gốc phải giữ nguyên là giá của xi măng PC30 để tính toán bù chênh lệch.

- Bảng giá ca máy và thiết bị thi công công bố theo CV số 465/SXD-KTXD ngày 14/05/2015 không còn giá trị sử dụng khi lập dự toán với bộ đơn giá Lâm đồng (2016).

- Có thể chọn 1 trong 3 phương pháp lập dự toán do ADTPro cung cấp. Lưu ý, khi lập dự toán theo phương pháp bù chênh lệch giá vật liệu, phương pháp này thường cho kết quả tính toán

dự toán thấp hơn đơn giá dự thầu do đã bỏ qua phần tính chênh lệch % vật liệu khác (Tham khảo thông tin bài viết “**Lựa chọn phương pháp lập dự toán bù chênh lệch vật liệu hay phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình**” tại chuyên mục Cẩm nang lập dự toán trên website <http://www.quyettoan.vn>).

∞ -/- ∞